TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 368/2018/HS-PT
Ngày 12 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Lê Hoàng Tấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông – Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2018/TLPT-HS ngày 7 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Văn H và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 450/2018/QĐPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1/ Đặng Văn H, sinh năm 1976 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT: Thôn PĐ, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; tạm trú: Tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Nùng; con ông Đặng Văn L và bà Vương Thị B1 (đã chết); có vợ BH17 và có 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 28-10-2016 (có mặt).

2/ Ninh Viết B, sinh năm 1982 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKHKTT: Xóm Thành Lập, xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; tạm trú: Tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; con

ông Ninh Viết A và bà Đỗ Thị Th1; có vợ Nguyễn Thị Th2 và có 01 con; bị bắt tạm giam từ ngày 28-10-2016 (có mặt).

3/ Hà Văn Tr, sinh năm 1985 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT: Thôn PĐ, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; tạm trú: Tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Nùng; con ông Hà Văn Tr1 và bà Mai Thị B2; có vợ Triệu Thị L1 và có 01 con; bị bắt tạm giam từ ngày 28-10-2016 (có mặt).

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/ Nghiêm Xuân Thiên S, sinh năm 1962 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKHKTT: Số 30A, đường NT, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 04, đường số 1, khu biệt thự SOL, phường BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH TM-ĐT LS; con ông Nghiêm Xuân Đ (đã chết) và bà Đặng Thị Xuân H1; có vợ Nguyễn Thị Hồng T và có 05 con; bị bắt tạm giam từ ngày 23-10-2016 đến ngày 17-8-2017, tại ngoại (có mặt).

2/ Phạm Công Th (tên gọi khác: Kevin Nghiêm), sinh năm 1977 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi ĐKHKTT: Số 30A, đường NT, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 04, đường số 1, khu biệt thự SOL, phường BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Quản lý Công ty TNHH TM-ĐT LS; con ông Phạm Công Kh và bà Nguyễn Thị Hồng T; có vợ Nguyễn Thị Bạch T (đã chết) và có 02 con; tại ngoại (có mặt).

3/ Đoàn Văn D, sinh năm 1980 tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKHKTT: Thôn ĐX, xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Thôn 5, xã Đ10, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Đoàn Văn T và bà Đặng Thị D; có vợ Mai Thị Vvà có 01 con; tại ngoại (có mặt).

- *Người bị hại:*

1/ Anh BH1 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của anh BH1:

1.2/ Ông Điểu B3 (Là bố đẻ của bị hại) (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2 xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

1.2/ Chị Điểu Thị M (Là vợ của bị hại), (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã NT, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

2/ Anh BH2 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của anh BH2: Ông Điểu H2, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 5, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

3/ Anh BH3 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của anh BH3: Bà Dương Thị M1, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm GS, xã BP, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

4/ Anh BH4, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp 3, xã NT, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

5/ Anh BH5, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấ V, xã LNA, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

6/ Anh BH6, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn BT, xã Phước Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

7/ Anh BH7, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp 5, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

8/ Anh BH8, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp 6, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

9/ Anh BH9, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp NH, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

10/ Anh BH10, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn BT, xã NB, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

11/ Anh BH11, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp 6, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

12/ Anh BH12, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 4, xã ĐK, huyện BGM, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

13/ Anh BH13, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 10, xã BB, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

14/ Anh BH14, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp 6, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

15/ Anh BH15, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 1, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Phước (có mặt).

16/ Ông BH16, sinh năm 1965; địa chỉ: Tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

17/ Bà BH17, sinh năm 1979; địa chỉ: Tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

18/ Bà BH18, sinh năm 1971; địa chỉ: Tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

19/ Anh BH19, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp 5, xã Đ10, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Đầu tư LS

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng T; chức vụ Giám đốc; Địa chỉ: Số 04, đường số 1, khu biệt thự SOL, phường BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/ Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn H:

1.1/ Luật sư Nguyễn Thanh H3 – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

1.2/ Luật sư Trần Đăng S1 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

1.3/ Luật sư Nguyễn Kiều H4 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

1.4/ Luật sư Nguyễn Văn Q - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

1.5/ Luật sư Nguyễn Thạch Th3 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

1.6/ Luật sư Phương Ngọc D2 - Đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

1.7/ Luật sư Bùi Quang V1 - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

1.8/ Luật sư Hồ Minh K - Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (vắng mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Ninh Viết B, Hà Văn Tr, Đoàn Văn D:

2.1/ Luật sư Nguyễn Thanh H3 - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2.2/ Luật sư Nguyễn Văn Q - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

3/ Người bào chữa cho bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th – Luật sư Nguyễn Văn T3 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Đầu tư LS (viết tắt Công ty LS) do ông Nguyễn Văn Th4 làm Giám đốc. Tại Quyết định số: 241/QĐ-UBND ngày 01-02-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cho Công ty LS thuê 1.079 ha đất rừng tại tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông để thực hiện dự án sản xuất nông lâm nghiệp. Tháng 6-2013, Nghiêm Xuân Thiên S và vợ là Nguyễn Thị

Hồng T nhận chuyển nhượng Công ty LS từ ông Nguyễn Văn Th4 để tiếp tục thực hiện dự án.

Quá trình thực hiện dự án sản xuất nông lâm nghiệp, một số hộ dân xâm canh trồng điều, cà phê, cao su và chuyển nhượng cho người khác (trong đó có gia đình ông BH16, Đặng Văn H và Ninh Viết B) nên đã nhiều lần xảy ra tranh chấp giữa Công ty LS với các hộ dân trong thời gian dài nhưng chính quyền địa phương chưa có biện pháp giải quyết dứt điểm. Để thực hiện việc lấy lại đất cho Công ty LS, ngày 15-10-2016, Nghiêm Xuân Thiên S - Phó Giám đốc Công ty LS gọi Phạm Công Th là Trưởng quản lý Công ty cùng các tổ trưởng bảo vệ là Trần Văn T4, Lê Văn Qu1 và BH12 đến phòng làm việc để họp bàn và chỉ đạo Th, T4, Qu1 và BH12 chuẩn bị máy cày, xe ủi, áo giáp, lá chắn, gậy, quần áo bảo hộ để bảo vệ cho xe ủi cây điều, cà phê trên diện tích đất do gia đình ông BH16 và Đặng Văn H đã trồng. Ngày 21-10-2016, Nghiêm Xuân Thiên S tiếp tục gọi điện thoại cho Phạm Công Th yêu cầu kiểm tra lại xe, dầu nhớt; các tổ bảo vệ kiểm tra lại các trang bị, đi kiểm tra lại thực địa, đường đi vào, đi ra khi bị người dân tấn công, ngăn cản và xem xét những đoạn đường nào có khả năng người dân kéo đến ngăn cản việc san ủi cây thì bố trí bảo vệ chốt chặn ngăn cản. Theo kế hoạch, ngày 22-10-2016 Sửu đến Công ty LS để ngày 23-10-2016 tiến hành đi san ủi; Th cùng các tổ trưởng bảo vệ gồm T4, Qu1 và BH12 họp bàn thống nhất theo chỉ đạo của S và tổ chức tập dượt cho nhân viên của công ty sử dụng khiên chắn, gậy ngăn cản, chống lại người dân tấn công khi san ủi cây.

Khoảng 06 giờ ngày 23-10-2016, Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th chỉ đạo Lê Phi Th5, BH3 mỗi người điều khiển 01 xe ủi, Lê Thanh Ph điều khiển 01 máy cày cùng 30 nhân viên bảo vệ mang theo quần áo, mũ, giầy bảo hộ, khiên chắn, áo giáp, gậy, đá cục rồi chia thành 02 nhóm đi từ Công ty LS sang khu vực đất bị xâm canh. Nhóm thứ nhất gồm Lê Phi Th5 và BH3 điều khiển 02 xe ủi, Lê Thanh Ph điều khiển xe máy cày chở người và dụng cụ, Trần Văn T4, Điểu L2, Điểu H5, Trần Minh X (Năm) chặn ở khu vực nhà ông BH16 và nhà ông BH19. Nhóm thứ hai gồm: Phạm Công Th, BH12, Lê Văn Qu1, Điểu D3, Điểu T5, Lê Anh Ngh, Điểu L3, Điểu Vũ, BH2 (SN 1999), Xì C, Điểu Nh, Điểu Đ1, BH7, BH14, BH6, BH4, BH8, BH11, BH13, BH10, BH15, BH5, BH9, BH1 (Điểu Tàu), BH2 (SN 2000) và Đặng Ngọc B4 chặn khu vực nhà Đặng Văn H để bảo vệ cho Lê Phi Th5 và BH3 san ủi. Cụ thể Lê Phi Th5 đã san ủi của gia đình ông BH16 75 cây điều, gia đình Đặng Văn H 39 cây điều và của gia đình ông BH19 40 cây điều; BH3 san ủi, của gia đình ông BH16 133 cây điều và 45 cây cà phê .

Lúc này, Đặng Văn H ở nhà thì phát hiện thấy khoảng 10 người mặc quần áo đồng phục của Công ty LS đội mũ, có khiên chắn chốt chặn ở khu vực đường mòn bên hông nhà và nghe thấy tiếng máy ủi, H gọi điện thoại cho ông BH16 hỏi có phải Công ty LS đang ủi cây điều không thì ông BH16 nói đã ủi vườn điều.

Sau đó, H đi lên gác gọi vợ là BH17 và Hà Văn Tr (người làm thuê cho H) dậy nói có số điện thoại của ai thì gọi cầm súng đến và gọi điện thoại cho Ninh Viết Th6; Trường gọi cho Ninh Viết B. Cùng lúc đó, bà BH18 (vợ ông BH16) đến nhà H nói người của Công ty LS đang ủi cây điều nhà H rồi. Nghe vậy, bà BH17 cùng bà BH18 đi lên khu vực xe đang ủi phá cây điều để ngăn cản nhưng không được. Khi đó, H thấy tiếng máy ủi lại gần, nên lấy súng, đạn đi cửa sau đến khu vực xe đang ủi cây điều để ngăn cản, khi đi được khoảng 05 mét thì người của Công ty LS cầm gậy, khiên chắn đứng chặn không cho đi. H cầm súng bắn chỉ thiên lên trời thì nhóm người này cầm đá ném, H di chuyển lùi về đến cửa sau nhà và bắn 01 phát về phía nhóm người của Công ty LS rồi vào nhà cài chốt cửa, cầm súng đi lên gác, đạp bung 01 tấm gỗ làm vách tường hông nhà trên gác tạo khe hở hướng ra đường mòn để ngắm bắn, Hà Văn Tr lấy đạn tiếp cho H bắn nhiều phát về phía nhóm người của Công ty LS đang đứng ở khu vực đường mòn bên hông nhà H.

Ninh Viết B nghe thấy tiếng máy ủi biết là Công ty LS đến phá cây điều. Do trước đó B và H đã trao đổi với nhau nếu Công ty LS đến phá hủy cây lấy đất thì chống đến cùng, nên B mang súng tự chế đi về hướng có tiếng máy ủi, đi được khoảng 500 mét thì Hà Văn Tr gọi điện thoại nói "Công ty LS đang quây nhà, cầm súng lên hỗ trợ". Khi B đến nơi H mở cửa sau nhà và cầm khẩu súng đi ra nói với B "Ở đây bọn nó bị thương nhiều rồi, lên trên kia để cản bọn nó kẻo bọn nó ủi hết". Sau đó, B và H mỗi người cầm 01 khẩu súng chạy đến phía nhà ông BH16, thấy sau nhà ông BH16 cách khoảng 20m Lê Phi Th5 đang điều khiển xe ủi bỏ chạy, H bắn 02 phát về phía xe ủi do Lê Phi Th5 điều khiển và đuổi theo được khoảng 20m thì nhìn thấy phía trước nhà ông BH16 có BH3 đang điều khiển xe ủi, Trần Văn T4, Điểu L2, Điểu H5, Điểu Tuấn V2, Trần Minh X cũng đang ở đó, H bắn khoảng 04 đến 05 phát về phía nhóm người này, thì họ bỏ chạy về phía Công ty LS. H tiếp tục đuổi theo chiếc xe ủi do Lê Phi Th5 điều khiển đang bỏ chạy, khi đuổi ra đến phía sau bếp nhà ông BH16, thấy một số người của Công ty LS chạy xuống phía dưới dốc về hướng nhà mình, H bắn theo 01 phát. Lúc này, có con chó chạy đến, H liền bắn 01 phát làm con chó chết tại chỗ rồi cầm súng đi ra phía trước cửa nhà ông BH16 nơi xe máy cày và xe ủi bỏ lại thì thấy B đang cầm súng đứng ở đó. H và B cầm súng đi theo đường mòn về phía nhà H, khi đến gần nhà H thì Bình đi xuyên vào khu vườn cây cà phê, cây tiêu phía sau nhà H thì thấy một nhóm người đang ẩn nấp tại đường mòn liền bắn 01 phát vào nhóm người này, họ bỏ chạy vào vườn điều phía sau nhà bà T6 theo hướng lên đồi, B đuổi theo bắn 01 phát nữa rồi đi qua vườn điều phía sau nhà bà T6 xuống nấp ở bụi cỏ bên cạnh gốc điều gần đường mòn để quan sát nhóm người Công ty LS đang ẩn nấp. Lúc này, H khi đi về đến đoạn đường giao nhau giữa đường mòn từ nhà H lên nhà ông BH16 với con suối thì nhìn thấy người của Công ty LS đang ở trong vườn điều phía sau nhà bà T6, H bắn 01 phát về phía đó

thì nhóm người này bỏ chạy. Tiếp đó H đuổi theo vào vườn điều nhà bà T6 bắn thêm 01 phát nữa, rồi đi xuyên trong vườn điều sau nhà bà T6 ra đường mòn đi về. Khi đi ra đường thấy BH14, BH12, Phạm Công Th, BH4, BH5, BH1, BH2, BH6, BH10, BH13, BH7, BH8 và Xì C đang ẩn nấp dưới rãnh nước cạnh đường mòn, H đã bắn 01 phát về phía nhóm người này rồi đi ra bắt họ bỏ khiên chắn, dụng cụ bảo hộ và cởi hết quần áo ra. Khi đó, B cầm súng ngồi nấp ở bụi cỏ cạnh gốc điều đi ra hỗ trợ cho H quát nạt, đe dọa nhóm người Công ty LS. Khi H quay lại thấy 01 người vẫn cầm khiên che không bỏ ra thì bắn 01 phát vào người này rồi tiếp tục bắt cởi bỏ hết quần áo và hỏi ai là người cầm đầu thì Phạm Công Th sợ bị bắn nên vùng dậy bỏ chạy H bắn 01 phát về phía Th, đồng thời tiếp tục yêu cầu những người còn lại cởi hết quần áo ra mới cho về, BH1 cởi đồ chậm thì bị H bắn vào vùng ngực, BH2 không cởi đồ và đi về thì bị H bắn vào đầu. Hậu quả các anh BH2, BH1 và BH3 bị chết tại chỗ; 13 người bị thương gồm: Phạm Công Th, BH12, BH15, BH13, BH9, BH8, BH5, BH11, BH10, BH7, BH4, BH14 và BH6.

Ninh Viết Th6 khi nhận được điện thoại của H gọi thì cầm một cây gậy bằng sắt buộc dọc theo khung xe máy rồi chạy lên nhà H, Thọ đậu xe máy ở sân, thấy người của Công ty LS đang ngồi che chắn, nấp ở con đường bên hông nhà H, còn nhà H cửa khóa ngoài không thấy ai, Th6 cầm cây gậy sắt đi ra vườn cà phê trước nhà H nấp, quan sát động tĩnh người của Công ty LS. Khi H quay về nhà thì Th6 đi ra, H nói "Tao làm xong rồi, đi về đi, không cần lên nữa" H vứt khẩu súng ở hiên trước cửa nhà, lấy tiền, quần áo rồi điều xe mô tô đi về bến SR để bỏ trốn. Hà Văn Tr cũng lấy xe mô tô điều khiển đến bến SR để trốn thì gặp H cả hai cùng đến nhà ông Trần Văn L4 tại xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. Ninh Viết B đi theo vườn điều về nhà đem khẩu súng và 02 vỏ đạn vứt xuống suối phía sau nhà rồi làm việc bình thường. Khẩu súng của H được bà Nguyễn Thị Kh1 vứt ra vườn cà phê nhà H, sau đó B mang đi chôn giấu ở khu lô cao su nhà H, Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Khi H và Tr bỏ trốn đến nhà ông Trần Văn L4 thì gặp Đoàn Văn D, trú tại thôn ĐX, xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước cùng với chị Mai Thị V (vợ D), Bùi Đình D4 (em D), chị Trần Thị Hương Th7 (vợ D4), tất cả cùng ngồi ăn cơm, uống rượu thì Đặng Văn H nói cho mọi người biết việc người của Công ty LS đi san ủi cây điều, cây cà phê nhà H nên H đã dùng súng bắn làm nhiều người chết và bị thương, H muốn bỏ trốn một thời gian rồi tìm cách ra đầu thú. Sau đó, H lấy chiếc sim điện thoại của mình số 0978725040 gói trong 01 tờ lịch đưa cho D bảo cầm đi ra ngoài lắp vào máy điện thoại mở lên, gọi vào số 900 để cơ quan Công an có định vị thì xác định H đang ở ngoài, không còn có mặt ở khu vực này, không truy tìm ở đây để H trốn rồi tìm cách ra đầu thú. D nói cầm sim ra ngoài dốc BB gọi được không thì H nói đi ra ngoài xa nữa, ra khu ngã ba MH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước hãy gọi. D đồng ý cầm sim điện thoại của H cất đi, Hà Văn

Tr lo lắng muốn bỏ lên Thành phố Hồ Chí Minh để trốn thì D bảo về nhà D hái cà phê, Tr đồng ý. Ông Trần Văn L4 nghe sự việc thì khuyên H ra đầu thú để được giảm nhẹ tội.

Sau khi ăn cơm xong, D dùng xe mô tô chở Tr về nhà mình ở xã Đ10, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước. Tại nhà của D, Tr đã kể lại toàn bộ sự việc H, B dùng súng bắn nhóm người của Công ty LS cho D biết. Đến sáng ngày 24-10-2016, D lấy xe mô tô chở Tr đi đến khu ngã ba xã MH, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước để thực hiện việc gọi điện thoại theo yêu cầu của H. Do D điều khiển xe chở Tr nên D đưa chiếc sim điện thoại số 0978725040 của H và điện thoại của D để Tr lắp sim vào, nhưng do sim của H lắp không vừa điện thoại của D nên Tr đã lắp sim của H vào điện thoại của Tr rồi gọi vào số 900 khoảng 01 phút, gọi xong Tr tắt máy, tháo chiếc sim điện thoại của H ra đưa cho D. Sau đó, cả hai đi về nhà D, sim điện thoại của H D mang về cất ở ngăn tủ, sau đó giao nộp cho Công an tỉnh Đắk Nông.

Đến chiều tối ngày 25-10-2016, Hà Văn Tr đi khỏi nhà của D, ngày 28-10-2016 đến cơ quan điều tra đầu thú. Còn H bỏ đi lên chòi hoang của người đồng bào ở xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước để trốn, đến ngày 28-10-2016 ra đầu thú.

Kết luận giám định số 23, 24, 25 ngày 27-12-2016 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: Anh BH1 bị các vết thương thủng tim, thủng dạ dày; nguyên nhân tử vong suy tuần hoàn cấp do vết thương thủng tim. Anh BH2 bị vết thương thủng xương hộp sọ vùng trán; nguyên nhân tử vong do vết thương sọ não, tổn thương nhu mô não. Anh BH3 bị vết thương làm thủng thùy trên phổi trái, thủng động mạch phổi, thủng thùy trên phổi phải; nguyên nhân tử vong suy tuần hoàn cấp do vết thương thủng động mạch phổi.

Kết luận Giám định pháp y về thương tích số từ số 342 đến 350, 357, 358/C54B ngày 15-3-2017 và số 1865/C54B ngày 16-6-2017 của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Anh BH9: Sẹo má phải, kích thước nhỏ không ảnh hưởng đến thẩm mỹ; mảnh kim loại cản quang gò má trái; tỷ lệ thương tật là 06%; cơ chế thương tích do hỏa khí gây ra.

Anh BH13: Vết thương phần mềm 1/3 giữa xương đòn trái; vết thương phần mềm lưng trái; gãy 1/3 giữa xương đòn trái, nốt cản quang vùng xương gãy; nốt cản quang hạ đòn đáy phổi trái; tràn máu, khí màng phổi trái đã điều trị; tỉ lệ thương tật là 19%. Anh BH4: Gãy xương bàn II tay trái; dị vật cản quang rải rác bàn tay trái; sẹo lưng trái; gãy cũ cung sau xương sườn V trái; dị vật cản quang trên cung sau xương sườn IV, V, VI; dị vật cản quang cung trước xương sườn III; tràn dịch màng phổi trái lượng ít đã điều trị ổn định; tỷ lệ thương tật là 23%. Anh

BH10: 02 sẹo dái tai trái, 01 sẹo cổ trái, 01 sẹo gối trái; mảnh cản quang kim loại mô mềm vùng bên trái khoang liên bả; mảnh cản quang kim loại trên 1/3 dưới xương đùi trái; mảnh cản quang kim loại mô mềm mặt trước 1/3 dưới đùi trái; tỉ lệ thương tật là 20%. Anh BH5: Sẹo hông phải và hông trái số lượng ít, kích thước nhỏ; vết thương xuyên bờ dưới gan phải ra khỏi cơ lưng; thủng hai lỗ đại tràng xích ma đã điều trị khâu lỗ thủng và đặt hậu môn nhân tạo; dị vật trên S1, S2, trong tiểu khung trước S1 và mô mềm cạnh cột sống; tỉ lệ thương tật là 54%. Anh BH14: Sẹo mi dưới mắt phải, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng; mắt phải sáng tối âm tính sau chấn thương; dị vật cản quang kim loại hốc mắt phải; tỉ lệ thương tật là 42%. Anh BH7: Khuyết sọ, đáy phập phồng đường kính 03cm; dị vật trong não; tỉ lệ thương tật là 50%. Anh BH15: 01 sẹo nhỏ vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt sau cánh tay trái; 01 sẹo nhỏ vết thương phần mềm mặt trước khuỷu tay trái; nhiều nốt cản quang kim loại mô mềm và vỡ vỏ xương 1/3 dưới xương cánh tay trái; tỉ lệ thương tật là 10%. Anh BH6: 01 sẹo vết thương phần mềm bả vai phải, kích thước 0,6 x 0,6cm; 01 sẹo vết thương phần mềm trên mào chậu trái, kích thước 1,3 x 0,6cm; 01 sẹo mổ mu bàn tay trái qua lỗ đạn bắn, kích thước 0,7 x 0,5 cm; thủng 4 lỗ ruột non (đoạn hỗng tràng); đứt bán phần gân duỗi ngón III; dị vật (đạn) còn lưu cung sau D4 và mô mềm; dị vật (đạn) còn lưu vùng đáy phổi trái; gãy xương bàn II tay trái; dị vật (đạn) còn lưu tại phần mềm ô mô cái và ô mô giữa bàn tay trái; tỉ lệ thương tật là 48%. Anh BH11: 01 sẹo vết thương phần mềm giữa trán, gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ, kích thước 04 x 0,4cm; 01 sẹo vết thương phần mềm mặt sau cánh tay phải, không gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ và chức năng; dị vật kim loại phần mềm trong cánh tay phải; tỉ lệ thương tật là 27%. Anh BH12: 01 sẹo cạnh cột sống lưng phải, kích thước 0,6 x 0,6cm; 01 sẹo trên núm vú phải, kích thước 1,4 x 0,3cm; 01 sẹo 1/3 trên mặt trước đùi phải; sẹo chữ thập mông phải; vỡ cung trước xương sườn V bên phải; vỡ cung sau xương sườn VIII bên phải; mảnh cản quang (dị vật) thành ngực trước bên phải; tổn thương nhu mô phổi và màng phổi cũ đã ổn định; tỉ lệ thương tật là 23%. Phạm Công Th: 02 sẹo vết thương phần mềm mặt trong cánh tay trái; tỉ lệ thương tật là 06%; sẹo vết thương phần mềm mặt trong cánh tay trái bị nhiễm trùng, đã xử lý, không đủ cơ sở kết luận do vật gì gây ra. Các tổn thương trên của người bị hại đều do đạn bắn gây ra. Riêng anh BH8: Không đến cơ quan giám định nên không có kết quả giám định tỉ lệ thương tật.

Kết luận giám định số: 5333/C54-P3 ngày 11-01-2017 và Kết luận giám định bổ sung số: 1617/C54-P3 ngày 17-4-2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 (ghi thu theo biên bản truy tìm vật chứng ngày 28-10-2016) là loại súng trường thể thao bắn đạn cỡ 5,6 mm, không phải vũ khí quân dụng; hiện tại súng còn sử dụng để bắn được. Khi sử dụng súng này bắn đạn vào cơ thể có thể chết hoặc bị thương. 37 viên đạn, trong đó: 01 viên đạn được lấy ra từ trong khẩu súng nêu trên và 01 viên đạn ghi thu

theo biên bản khám nghiệm hiện trường là đạn thể thao cỡ 5,6 x 15,5 mm. 35 viên kim loại chì hình nấm (ghi thu tại nhà H) là loại đạn chì dùng bắn được cho súng hơi cỡ nòng 4,5mm. 05 vỏ đạn (thu khi khám nghiệm hiện trường) và 01 vỏ đạn (thu khi truy tìm vật chứng) là vỏ đạn của loại đạn thể thao cỡ 5,6 x 15,5mm, các vỏ đạn này do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 nêu trên bắn ra. 08 mẫu kim loại, trong đó: 01 mẫu kim loại ghi thu trong người nạn nhân BH3 là đầu của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 nêu trên bắn ra (của Hiến); 01 mẫu kim loại ghi thu trong người BH8 là đầu của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 nêu trên bắn ra (của Hiến); 01 mẫu kim loại màu xám ghi thu trong người BH5 là đầu của đạn thể thao cỡ 5,6mm do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 nêu trên bắn ra (của Hiến); 02 mẫu kim loại màu xám ghi thu trong người BH6 là đầu của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm, có 01 mẫu do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 nêu trên bắn ra (của Hiến), 01 mẫu không đủ yếu tố giám định truy nguyên khẩu súng bắn ra; 02 mảnh kim loại ghi thu trong người tử thi BH2 là đầu của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm, 01 mẫu do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 nêu trên bắn ra (của Hiến), 01 mẫu không đủ yếu tố giám định truy nguyên khẩu súng bắn ra, 01 mảnh kim loại ghi thu trong tử thi BH2 không xác định được có phải đầu đạn hay không. 01 mẫu kim loại thu trong người Phạm Công Th không đủ đặc điểm để xác định được có phải là thành phần của đạn hay không. Khẩu súng dài 116 cm do bà BH17 (vợ bị can Đặng Văn H) giao nộp là súng hơi bắn đạn chì cỡ 4,5mm, không phải vũ khí quân dụng. Hiện tại súng còn sử dụng để bắn được, khi bắn đạn vào cơ thể người gây thương tích; khẩu súng này không bắn ra 37 viên đạn, 06 vỏ đạn, 09 đầu đạn gửi giám định. 01 mẫu kim loại thu trong người BH12 là đầu của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm do khẩu súng ký hiệu T03-8M số 5169 bắn ra.

Tại bản Thông báo kết luận định giá tài sản số: 59/TB-HĐĐG ngày 04-5-2017 và Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xác định: Đối với số cây của gia đình ông BH16: 182 cây điều có độ tuổi (8 $\pm$ 1) năm, 26 cây điều có độ tuổi (9 $\pm$ 1) năm có tổng giá trị 44.096.000 đồng. 11 cây cà phê có độ tuổi (8 $\pm$ 1) năm, 18 cây cà phê có độ tuổi (10 $\pm$ 1) năm, 16 cây cà phê có độ tuổi (12 $\pm$ 1) năm có tổng giá trị 12.780.000 đồng. Đối với số cây gia đình Đặng Văn H: 16 cây điều có độ tuổi (8 $\pm$ 1) năm, 23 cây có độ tuổi (9 $\pm$ 1) năm có tổng giá trị 8.268.000 đồng. Đối với số cây của gia đình ông BH19: Có 34 cây điều có độ tuổi (8 $\pm$ 1) năm, 06 cây có độ tuổi (9 $\pm$ 1) năm, có tổng giá trị 8.480.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 73.624.000 đồng.

Trong vụ án này ngoài hành vi phạm tội của các bị cáo còn có hành vi của một số người có liên quan như: Ninh Viết Th6, có mang gậy sắt đến hỗ trợ cho Đặng Văn H, nhưng khi đến nơi Th6 không hỗ trợ, không tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với H, cơ quan điều tra không khởi tố đối với Th6 là có căn cứ. Đối với các đối tượng Lê Phi Th5, Lê Thanh Ph, Trần Văn T4, Điểu L2, Điểu H5, Trần Minh X (Năm), BH12, Lê Văn Qu1, Điểu D3, Điểu T5, Lê Anh Ngh, Điểu L3, Điểu V2, BH2 (SN 2000), Xì C, Điểu Nh, Điểu Đ1, BH7, BH14, BH6, BH4, BH8, BH11, BH13, BH10, BH15, BH5, BH9 và Đặng Ngọc B4 đã tham gia giúp sức trong việc phá hủy cây điều, cây cà phê của gia đình ông BH16, BH19 và Đặng Văn H. Xét thấy, mặc dù hành vi của họ có vi phạm pháp luật, nhưng họ là những người làm thuê, có người mới được tuyển dụng, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Công ty, không biết rõ vi phạm của Công ty LS, Cơ quan điều tra không khởi tố để xử lý hình sự đối với họ là có căn cứ. Đối với ông Trần Văn L4, chị Mai Thị V, Trần Thị Hương Th7, anh Bùi Đình D4 có nghe H kể lại việc giết người; sau đó, ông L4 khuyên H ra đầu thú, những người còn lại không giúp đỡ, hoặc tác động dẫn đến việc H bỏ trốn, vì vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý về hành vi che giấu tội phạm đối với họ.

Đối với các cơ quan có chức năng của huyện TĐ và tỉnh Đắk Nông, trong công tác quản lý, nắm địa bàn, xử lý đối với người dân xâm canh, phá rừng trái phép không kịp thời, dẫn đến tình trạng mua bán, chuyển nhượng đất rừng trái phép diễn ra phức tạp, người dân sau khi khai phá đất rừng hoặc mua bán, sang nhượng trái phép đã ổn định sinh sống, tranh chấp kéo dài giải quyết không dứt điểm để các bên tự giải quyết tranh chấp trái pháp luật gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Vấn đề này Chính phủ đã có chỉ đạo, các cơ quan chức năng của tỉnh Đắk Nông đang giải quyết. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tiếp tục giải quyết, nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 03/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr phạm tội *"Giết người"*; các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*; bị cáo Đoàn Văn D phạm tội *"Che giấu tội phạm"*.

1.1/ Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p, đ khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Đặng Văn H tử hình, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 93; điểm b, p, đ khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Ninh Viết B 20 (*Hai mươi*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28-10-2016.

Xử phạt: Hà Văn Tr 12 (*Mười hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28-10-2016.

1.3/ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 143; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nghiêm Xuân Thiên S 06 (*Sáu*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 23-10-2016 đến ngày 17-8-2017.

Xử phạt: Phạm Công Th 04 (*Bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4/ Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Đoàn Văn D 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 590, Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

2.1/ Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr liên đới bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại BH3, BH1 và BH2, cụ thể:

2.1.1/ Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại BH3 số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 78.000.000đ *(Bảy mươi tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* còn phải bồi thường 68.000.000đ *(Sáu mươi tám triệu đồng)*; bị cáo B 32.500.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr phải bồi thường 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*, bà Dương Thị M1 là người nhận tiền bồi thường.

2.1.2/ Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại BH2 số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 78.000.000đ *(Bảy mươi tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* còn phải bồi thường 68.000.000đ *(Sáu mươi tám triệu đồng)*; bị cáo B 32.500.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr phải bồi thường 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*, ông Điểu H2 là người nhận tiền bồi thường.

2.1.3/ Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại BH1:

Số tiền bù đắp tổn thất tinh thần số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 78.000.000đ *(Bảy mươi tám triệu đồng)*

được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 73.000.000đ *(Bảy mươi ba triệu đồng)*; bị cáo B bồi thường 32.500.000đ *(Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường số tiền còn phải bồi thường 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr phải bồi thường số tiền 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường 14.500.000đ *(Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 04 con của bị hại: Điểu Thị T7 sinh ngày 10-8-2010, Điểu Thị T8 sinh ngày 10-01-2012, Điểu Thị T9 sinh ngày 09-6-2014 và Điểu Út T10 sinh ngày 02-3-2017 mỗi cháu một tháng số tiền 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*. Cụ thể mỗi bị cáo phải cấp dưỡng đối với mỗi cháu mỗi tháng: Bị cáo H 390.000đ *(Ba trăm chín mươi nghìn đồng)*; bị cáo B 162.500đ *(Một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*; bị cáo Tr 97.500đ *(Chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*, thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy đinh tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chị Điểu Thị M là nhận tiền bồi thường và cấp dưỡng.

2.2/ Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr liên đới bồi thường cho những người bị hại, cụ thể như

2.2.1/ Đối với anh BH5 số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 27.500.000đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*; bị cáo B 12.500.000đ *(Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); bị cáo Tr 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*.

2.2.2/ Đối với anh BH12 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*; các bị cáo B 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*; bị cáo Tr 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

2.2.3/ Đối với anh BH15 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 15.500.000đ (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng)*; bị cáo B bồi thường 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*; bị cáo Tr bồi thường 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

2.2.4/ Đối với anh BH9 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 15.500.000đ *(Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng)*; bị cáo B bồi thường 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*; bị cáo Tr bồi thường 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2.5/ Đối với anh BH6 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường số tiền 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B bồi thường 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); bị cáoTrường bồi thường 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).*

2.2.6/ Đối với anh BH14 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 15.500.000đ (*Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); bị cáo Tr 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2.7/ Đối với cho anh BH10 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 21.500.000đ (*Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

2.2.8/ Đối với anh BH7 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*); bị cáo B 10.000.000đ *(Mười triệu đồng*); bị cáo Tr 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

2.2.9/ Đối với anh BH11 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*); bị cáo B 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Tr bồi thường 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2.10/ Đối với anh BH4 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H 21.000.000đ (*Hai mươi mốt triệu đồng*), được trừ số đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 18.500.000đ

(*Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B 8.750.000đ (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Tr 5.250.000đ (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2.11/ Đối với Phạm Công Th chấp nhận chi phí điều trị có hóa đơn là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) và bù đắp tổn thất tinh thần 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H 22.200.000đ (*Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*); bị cáo B 9.250.000đ (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Tr 5.550.000đ (*Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.3/ Buộc các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th liên đới bồi thường cho ông BH16 56.786.000đ *(Năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*, ông BH19 8.268.000đ *(Tám triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* và bà BH17 8.480.000đ *(Tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 75.000.000đ *(Bảy mươi lăm triệu đồng)* bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 26-12-2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm hình sự, Bộ Công an vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông được nhận lại số tiền 1.466.000đ (*Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 05/01/2018, các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B, Hà Văn Tr có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm bồi thường thiệt hại.

Ngày 08/01/2018, bị cáo Đoàn Văn D có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 12/01/2018, bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và bị cáo Phạm Công Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu xem xét lại tội danh và hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

Ngày 17/01/2018, đại diện hợp pháp của người bị hại BH1 là bà Điểu Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B, Hà Văn Tr.

Ngày 08/02/2018, đại diện hợp pháp của người bị hại BH1 là ông Điểu B3 có đơn kháng cáo quá hạn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông nhận tiền bồi thường của bị hại BH1 và tiền cấp dưỡng cho 04 người con của BH1 thay cho bà Điểu Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Điểu B3 là đại diện hợp pháp của bị hại BH1 nêu lý do kháng cáo quá hạn là do không hiểu biết pháp luật, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của ông.

Các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B, Hà Văn Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét lại mức bồi thường.

Các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Đoàn Văn D xin hưởng án treo.

Bà Điểu Thị M đại diện hợp pháp của bị hại BH1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo H, Bình và Trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr, Đoàn Văn D có ý kiến.

- *Luật sư Qu bào chữa cho Bị cáo H có ý kiến*: Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp "Có tính chất côn đồ" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự, đây là tình tiết định khung ảnh hưởng rất lớn đến mức hình phạt của bị cáo; bởi lẽ: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do quá bức xúc trước thái độ hung hăng và hành vi trái pháp luật của nhóm người Công ty LS. Khi bị tấn công, bị cáo đã bắn chỉ thiên để cảnh báo nhưng người của Công ty LS vẫn tấn công. Phía công ty đã hủy hoại rất nhiều tài sản là nguồn sống chính, là tài sản của cả gia đình bị cáo. Hơn nữa giữa Bị cáo H, B và phía Công ty LS đã nhiều lần xảy ra xô xát trong việc tranh chấp đất nhưng chưa được chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm. Bị cáo phạm tội trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh, không làm chủ được hành vi. Như vậy bị cáo không phạm tội "Giết người" có tính chất côn đồ. Ngay khi bắn vào những người bị hại, bị cáo bắn ở khoảng cách xa, không phải có chủ đích và không có ý tước đoạt tính mạng của những người bị hại. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; tại phiên tòa bị cáo đã cung cấp thêm tài liệu để chứng minh gia đình có công với cách mạng. Đây là tình tiết Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình tích cực bồi thường cho phía bị hại; đại diện hợp pháp của người bị hại cũng như nhiều người khác đã có đơn xin giảm án cho bị cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá toàn diện hoàn cảnh phạm tội, nhân thân của bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo ở mức án tù có thời hạn.

Đối với bị cáo B: Bị cáo B tham gia giúp sức cho H với vai trò không đáng kể. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ như gia đình có công, có nhiều đơn xin giảm án cho bị cáo. Bị cáo B phạm tội cũng do bị kích động vì tài sản bị xâm phạm trong bối cảnh chung của cả khu vực khi chính quyền địa phương không giải quyết dứt điểm tranh chấp đất đã kéo dài.

Đối với bị cáo D: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có xuất trình thêm tài liệu là huân huy chương của gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo, bị cáo phạm tội do cả nể, chỉ đơn giản là giúp Bị cáo H kích hoạt sim điện thoại để đánh lạc hướng của cơ quan điều tra, cố gắng tạo điều kiện cho Bị cáo H có thời gian ra đầu thú. Bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Luật sư H3 bào chữa cho Bị cáo H có ý kiến*: Đồng ý với quan điểm của luật sư Qu bào chữa cho các bị cáo. Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm, cụ thể là các công nhân của Công ty LS, bỏ lọt hành vi phạm tội. Án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết của vụ án làm ảnh hưởng đến mức độ phạm tội của các bị cáo. Đối với Bị cáo H còn khả năng cải tạo, có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội thụ động nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hình phạt tử hình cho bị cáo.

Đối với bị cáo Tr: Bị cáo phạm tội với vai trò thụ động, hành vi mờ nhạt, đề nghị Hội đồng xét xử giảm bớt hình phạt cho bị cáo Tr.

Đối với bị cáo D: Luật sư đồng ý với quan điểm của luật sư Qu.

- *Luật sư S1có ý kiến*: Thống nhất ý kiến kiến của luật sư Qu, luật sư H3. Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo ở khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- *Luật sư Th3 có ý kiến*: Thống nhất ý kiến của các luật sư bào chữa cho Bị cáo H. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải áp dụng hình phạt cao nhất đối với bị cáo.

- *Luật sư V1 bào chữa cho Bị cáo H có ý kiến*: Luật sư đồng ý với quan điểm của các luật sư đã nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tính chất, động cơ phạm tội của các Bị cáo H, B; các bị cáo gián tiếp là người bị hại. Bị cáo không có ý tước đoạt tính mạng của các bị hại. Bị cáo không phải là người côn đồ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tình tiết này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm thêm hình phạt cho cả bị cáo Hà Văn Tr.

- *Luật sư H4 bào chữa cho Bị cáo H có ý kiến*: Luật sư cho rằng lập luận của vị đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết về hành vi phạm tội, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo không đúng với thực tế khách quan của vụ án. Mục đích phạm tội của bị cáo là để bảo vệ tính mạng, tài sản của gia đình bị cáo.

Về nhân thân: Thông qua thái độ cư xử của bị cáo trong đời sống hằng ngày cho thấy bị cáo là người thân thiện, hiền lành, bị cáo là người có bản chất

tốt. Hoàn cảnh phạm tội của bị cáo nói lên tính chất không côn đồ khi thực hành vi phạm tội.

- *Luật sư T3 bào chữa cho các bị cáo S, bị cáo Th có ý kiến*: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo S, Th mức án quá nghiêm khắc bởi các bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cũng như đã hỗ trợ bồi thường cho các bị hại do các bị cáo phạm tội giết người gây ra; Tòa án cấp sơ thẩm cũng không áp dụng khoản 2 Điều 46 và điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (gây thiệt hại không lớn), các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Th phạm tội với vai trò đồng phạm; Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng để cá thể hóa hình phạt cho bị cáo Th. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu,chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 08/02/2018, ông Điểu B3 có đơn kháng cáo quá hạn đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 03/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Việc kháng cáo của ông Điểu B3 là quá thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét kháng cáo quá hạn của ông Điểu B3, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Điểu B3 cho rằng lý do ông kháng cáo trễ hạn là do ông không hiểu biết pháp luật tuy nhiên ông có mặt tại phiên tòa sơ thẩm và đã được Chủ tọa phiên tòa giải thích về thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật. Đối chiếu theo hướng dẫn tại mục 5 phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự thì lý do kháng cáo quá hạn trong trường hợp này là không chính đáng, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của ông Điểu B3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 03/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B, Hà Văn Tr, Đoàn Văn D, Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th và đại diện hợp pháp của bị hại BH1 là bà Điểu Thị M nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng 6 giờ ngày 23/10/2016 tại Tiểu khu 1535 thuộc địa giới xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông đã xảy ra vụ dùng súng gây chết và bị thương nhiều người.

[3.1] Quá trình điều tra đã xác định được nguyên nhân vụ án như sau: Công ty TNHH TM - ĐT LS được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cho thuê 1.079 ha

đất rừng tại tiểu khu 1535, xã QT, huyện TĐ để thực hiện dự án sản xuất nông lâm nghiệp. Quá trình thực hiện dự án, do có một số hộ dân xâm canh trồng điều, cao su, cà phê và chuyển nhượng cho người khác nên đã xảy ra tranh chấp giữa Công ty LS với các hộ dân này trong thời gian dài nhưng chưa được chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm.

[3.2] Để thực hiện việc lấy lại đất cho Công ty LS, Nghiêm Xuân Thiên S - Phó giám đốc Công ty LS cùng Phạm Công Th - Trưởng quản lý Công ty họp với các đội trưởng bảo vệ công ty; phân công chuẩn bị phương tiện để ủi điều, cà phê trên diện tích đất do gia đình ông BH16 và Đặng Văn H đã trồng. Khoảng 6 giờ ngày 23/10/2016, Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th chỉ đạo Lê Phi Th5, BH3 điều khiển máy ủi, máy cày chở theo nhiều người mang theo quần áo, mũ, giày bảo hộ, khiên chắn, áo giáp, gậy, đá cục chia thành hai nhóm chặn đường vào khu đất nhà ông BH16 và H không cho người dân kéo lên ngăn cản để cho Th5 và BH3 lái xe ủi phá hủy cây trồng để chiếm lại đất cho Công ty LS.

[3.3] Khi biết tài sản của gia đình mình bị san ủi, Đặng Văn H nhờ Hà Văn Tr lấy giúp hộp đạn và gọi Ninh Viết B tới hỗ trợ. H và B đã sử dụng súng thể thao và súng tự chế để bắn vào những người của Công ty LS. Hậu quả làm các anh BH1, BH2 và BH3 chết tại chỗ, 13 người khác bị thương với tỷ lệ thương tật từ 06% đến 54 %.

[3.4] Sau khi bắn người của Công ty LS; Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr đã vứt bỏ súng, đạn. Ninh Viết B ở lại làm việc bình thường còn H và Hà Văn Tr bỏ trốn đến nhà của ông Trần Văn L4 thì gặp Đoàn Văn D (trú tại thôn ĐX, ĐN, Bình Phước). H đã nhờ D lắp sim điện thoại của H để đi ra xa nơi H đang ở gọi vào số 900 để Công an không truy tìm ra H. Đặng Văn H và Hà Văn Tr ở tại nhà của Đoàn Văn D đến ngày 28/10/2016 thì ra đầu thú.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr về tội "Giết người"; các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th về tội "Hủy hoại tài sản"; bị cáo Đoàn Văn D về tội "Che giấu tội phạm" là có căn cứ.

[4] Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

[4.1] Đặng Văn H ban đầu dùng súng bắn vào một nhóm người của Công ty LS và họ sợ nên bỏ chạy; trên đường về nhà bị cáo H thấy một nhóm người khác của Công ty LS đang ẩn nấp dưới rảnh nước ven đường, Hiến bắn một phát về phía những người này, đồng thời bắt họ cởi bỏ quần áo, khiên chắn và dụng cụ bảo hộ. Khi đó B cầm súng đứng gần đó hỗ trợ cho H quát nạt, đe dọa nhóm người của Công ty LS. Khi thấy một người vẫn còn cầm khiên chắn, H liền bắn về phía người này; BH1 cởi quần áo chậm ngay lập tức bị H bắn vào ngực; anh

BH2 không cởi quần áo cũng bị H bắn vào đầu, hậu quả làm anh BH1, BH2 chết ngay tại chỗ. Hành vi dùng súng bắn vào chỗ đông người ở cự ly rất gần là rất nguy hiểm có thể làm chết nhiều người.Việc Bị cáo H bắn vào ngực anh BH1, vào đầu anh BH2 trong khi hai anh này hoàn toàn không có khả năng tự vệ và không kịp làm theo lệnh của bị cáo là hành vi mang tính côn đồ hung hãn, coi thường tính mạng của người khác.

[4.2] Đối với hành vi dùng súng của bị cáo B và hành vi lấy giúp hộp đạn và gọi điện cho B đến hỗ trợ cho Hiến của bị cáo Tr để bắn vào nhiều người của Công ty LS là rất nguy hiểm. Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng đã làm anh BH2, BH1 và BH3 chết tại chỗ; 13 người bị tổn thương cơ thể gồm: Các anh BH5 54%, BH7 50%, BH6 48%, BH14 42%, BH11 27%, BH12 23%, BH4 23%, BH10 20 %, BH13 19%, BH15 10%, Phạm Công Th 06% và BH9 06% sức khỏe; riêng BH8 bị thương nhưng không đi giám định. Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B, Hà Văn Tr là đặc biệt nguy hiểm, không chỉ xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của các bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

[5] Trong vụ án này bị cáo Đặng Văn H ban đầu dùng súng bắn vào đám đông người của Công ty LS làm chết một người là do bức xúc trước sự ngang nhiên phá hoại tài sản của gia đình bị cáo. Nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không dừng lại ở đây mà bị cáo tiếp tục dùng súng bắn thẳng vào ngực, vào đầu hai anh BH1, BH2 và gây thương tích cho những người khác khi họ không còn khả năng tự vệ, điều đó chứng tỏ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất quyết liệt, côn đồ hung hãn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Bị cáo H giữ vai trò chính và phạm tội với nhiều tình tiết tăng nặng, hậu quả gây ra đặc biệt nghiêm trọng. Mặc dù khi lượng hình có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo ăn năn hối hận, đã tác động đến gia đình bồi thường cho gia đình các bị hại được đại diện gia đình bị hại BH1 xin giảm nhẹ hình phạt nhưng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng nên đã tuyên phạt Bị cáo H tử hình là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi xử sơ thẩm đại diện hợp pháp gia đình bị hại vẫn tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H nhưng như đã phân tích ở trên, việc loại trừ bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe phòng ngừa chung. Như vậy, các ý kiến và phân tích đã nêu của luật sư đề nghị giảm bớt hình phạt cho bị cáo không được chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp hợp pháp của bị hại là bà Điểu Thị M; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[6] Đối với các bị cáo Ninh Viết B và Hà Văn Tr: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho Bị cáo H.

[6.1] Cụ thể B đã bàn bạc, thống nhất cùng H chính thức hành động, dùng súng cùng bị cáo H bắn những người bị hại gây thương tích. Hành vi của bị cáo B rất nguy hiểm, tính chất nghiêm trọng về hành vi và hậu quả chỉ thấp hơn so với bị cáo H. Tuy nhiên xét hậu quả trực tiếp do bị cáo gây ra ở mức thấp hơn nhiều so với bị cáo H, chưa gây chết người, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại đã xảy ra. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Điểu Thị M và đề nghị của các luật sư, giảm bớt một phần hình phạt cho bị cáo. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

[6.2] Đối với bị cáo Hà Văn Tr phạm tội với vai trò giúp sức khá tích cực cho bị cáo H, hỗ trợ tạo điều kiện cho bị cáo H, bị cáo B bắn người. Tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả gián tiếp do hành vi của bị cáo gây ra cũng ở mức độ không nhỏ. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi, động cơ phạm tội và đặc biệt trong hoàn cảnh là người làm công; bị cáo có thái độ thành khẩn, sau khi phạm tội đã chủ động ra đầu thú, đã tác động thân nhân bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; phía người bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên thấy cần thiết giảm bớt hình phạt cho bị cáo so với hình phạt đã tuyên tại bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Điểu Thị M và đề nghị của các luật sư. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

[7] Các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th đã bị xét xử về tội "Hủy hoại tài sản" thuộc trường hợp có tổ chức và gây thiệt hại có giá trị lớn. Cụ thể hai bị cáo đã tự giải quyết việc các hộ dân xâm canh trên diện tích đất được Nhà nước giao quyền sử dụng cho Công ty của các bị cáo, gây thiệt hại về tài sản. Mức thiệt hại đã được xác định ở mức nghiêm trọng. Tuy nhiên khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt có phần nặng so với tính chất, mức độ hành vi cũng như hậu quả là mức thiệt hại do các bị cáo gây ra. Mặt khác, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Riêng bị cáo Th phạm tội với vai trò bị động do là nhân viên của Công ty LS, làm việc theo sự chỉ đạo của bị cáo S, vừa là Giám đốc vừa là người thân trong gia đình. Do đó, mức hình phạt của bị cáo Th phải thấp hơn bị cáo S.

Với đánh giá trên cần giảm hình phạt cho hai bị cáo là phù hợp; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

[8] Đối với bị cáo Đoàn Văn D, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xuất phát từ động cơ không xấu, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi ở rõ ràng, là người lao động thuần chất. Do vậy, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách phù hợp cũng đủ răn đe chung và giáo dục riêng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của luật sư. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

[9] Xét kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B, Hà Văn Tr đề nghị xem xét lại mức bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo bị truy tố, xét xử về tội "Giết người"; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại, bù đắp tổn thất tinh thần, cấp dưỡng cho các con của người bị hại là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo cho rằng trong vụ án này các bị hại cũng có lỗi nên đề nghị xét lỗi hỗn hợp để giảm trách nhiệm bồi thường cho các bị cáo là không có căn cứ như đã phân tích ở trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đối với phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo H, B, Tr; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đặng Văn H phải chịu theo quy định; các bị cáo Ninh Viết B, Hà Văn Tr, Đoàn Văn D, Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th và đại diện hợp pháp của người bị hại BH1 là bà Điểu Thị M không phải chịu án phí.

[11] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn H.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Ninh Viết B, Hà Văn Tr và bà Điểu Thị M.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn D, Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr phạm tội *"Giết người"*; các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*; bị cáo Đoàn Văn D phạm tội *"Che giấu tội phạm"*.

1.1/ Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p, đ khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Đặng Văn H tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28-10-2016; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

1.2/ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 93; điểm b, p, đ khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Ninh Viết B 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28-10-2016.

Xử phạt: Hà Văn Tr 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28-10-2016.

1.3/ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 143; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nghiêm Xuân Thiên S 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 23-10-2016 đến ngày 17-8-2017.

Xử phạt: Phạm Công Th 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4/ Áp dụng khoản 1 Điều 313; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Đoàn Văn D 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Đoàn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước theo dõi, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Đặng Văn H có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

2/ Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 590, Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

2.1/ Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr liên đới bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại BH3, BH1 và BH2, cụ thể:

2.1.1/ Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại BH3 số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 78.000.000đ *(Bảy mươi tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* còn phải bồi thường 68.000.000đ *(Sáu mươi tám triệu đồng)*; bị cáo B 32.500.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr phải bồi thường 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*, bà Dương Thị M1 là người nhận tiền bồi thường.

2.1.2/ Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại BH2 số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 78.000.000đ *(Bảy mươi tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* còn phải bồi thường 68.000.000đ *(Sáu mươi tám triệu đồng)*; bị cáo B 32.500.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồn*g), được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr phải bồi thường 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*, ông Điểu H2 là người nhận tiền bồi thường.

2.1.3/ Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại BH1:

Số tiền bù đắp tổn thất tinh thần số tiền 130.000.000đ *(Một trăm ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 78.000.000đ *(Bảy mươi tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 73.000.000đ *(Bảy mươi ba triệu đồng)*; bị cáo B bồi thường 32.500.000đ *(Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường số tiền còn phải bồi thường 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr phải bồi thường số tiền 19.500.000đ *(Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*, còn phải bồi thường 14.500.000đ *(Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Nghĩa vụ cấp dưỡng đối với 04 con của bị hại: Điểu Thị T7 sinh ngày 10-8-2010, Điểu Thị T8 sinh ngày 10-01-2012, Điểu Thị T9 sinh ngày 09-6-2014 và Điểu Út T10 sinh ngày 02-3-2017 mỗi cháu một tháng số tiền 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*. Cụ thể mỗi bị cáo phải cấp dưỡng đối với mỗi cháu mỗi tháng: Bị cáo H 390.000đ *(Ba trăm chín mươi nghìn đồng)*; bị cáo B 162.500đ *(Một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*; bị cáo Tr 97.500đ *(Chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*, thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy đinh tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chị Điểu Thị M là nhận tiền bồi thường và cấp dưỡng.

2.2/ Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Ninh Viết B và Hà Văn Tr liên đới bồi thường cho những người bị hại, cụ thể như

2.2.1/ Đối với anh BH5 số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 27.500.000đ *(Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*; bị cáo B 12.500.000đ *(Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); bị cáo Tr 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*.

2.2.2/ Đối với anh BH12 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*; các bị cáo B 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*; bị cáo Tr 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

2.2.3/ Đối với anh BH15 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 15.500.000đ (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng)*; bị cáo B bồi thường 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*; bị cáo Tr bồi thường 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

2.2.4/ Đối với anh BH9 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường số tiền 15.500.000đ *(Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng)*; bị cáo B bồi thường 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*; bị cáo Tr bồi thường 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2.5/ Đối với anh BH6 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường số tiền 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B bồi thường 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); bị cáoTrường bồi thường 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

2.2.6/ Đối với anh BH14 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)* được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 15.500.000đ (*Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); bị cáo Tr 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2.7/ Đối với cho anh BH10 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 21.500.000đ (*Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo Tr 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

2.2.8/ Đối với anh BH7 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H bồi thường số tiền 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*); bị cáo B 10.000.000đ *(Mười triệu đồng*); bị cáo Tr 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

2.2.9/ Đối với anh BH11 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*); bị cáo B 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Tr bồi thường 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2.10/ Đối với anh BH4 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng)*, cụ thể: Bị cáo H 21.000.000đ (*Hai mươi mốt triệu đồng*), được trừ số đã bồi thường 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, còn phải bồi thường 18.500.000đ (*Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng*); bị cáo B 8.750.000đ (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ số tiền đã bồi thường 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Tr 5.250.000đ (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2.11/ Đối với Phạm Công Th chấp nhận chi phí điều trị có hóa đơn là 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) và bù đắp tổn thất tinh thần 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo H 22.200.000đ (*Hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*); bị cáo B 9.250.000đ (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bị cáo Tr 5.550.000đ (*Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.3/ Buộc các bị cáo Nghiêm Xuân Thiên S và Phạm Công Th liên đới bồi thường cho ông BH16 56.786.000đ *(Năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*, ông BH19 8.268.000đ *(Tám triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* và bà BH17 8.480.000đ *(Tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 75.000.000đ *(Bảy mươi lăm triệu đồng)* bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp theo Ủy nhiệm chi ngày 26-12-2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm hình sự, Bộ Công

an vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông được nhận lại số tiền 1.466.000đ (*Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Đặng Văn H phải chịu 200.000 đồng.

- Các bị cáo Ninh Viết B, Hà Văn Tr, Đoàn Văn D, Nghiêm Xuân Thiên S, Phạm Công Th không phải chịu.

4/ Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Trại TG Công an tỉnh Đắk Nông;
"Để tống đạt cho bị cáo (4));
- BCTN, BH, NLQ (23);
- Lưu: VP (3), HS (2), 37b. (ÁN 09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba